



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH
KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
(Đính kèm Thông báo số 1624/TB-HĐTDVC ngày 09 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Mắt)

251

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Kim Anh	06/10/1987	Bác sĩ Gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
2	Nguyễn Thành Long	29/04/1991	Bác sĩ Gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
3	Nguyễn Trung Thành	20/05/1993	Bác sĩ Gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
4	Nguyễn Phúc Vĩnh Quyền	27/06/1985	Bác sĩ Gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	87	0	87	
5	Đàm Tú Quyền	31/03/1997	Bác sĩ Nhãn khoa	khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng Nhãn khoa	3	95	0	95	
6	Hoàng Liên Anh	01/03/1990	Bác sĩ Nhãn khoa	khoa Dịch kính võng mạc	3	95	0	95	
7	Bùi Thị Minh Trang	07/07/1994	Bác sĩ Nhãn khoa	khoa Mắt nhi	3	95	0	95	
8	Phan Thị Tú Cúc	29/09/1994	Bác sĩ Nhãn khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	95	0	95	
9	Võ Tuyết Mai	10/09/1994	Bác sĩ Nhãn khoa	Phòng Kế hoạch tổng hợp	3	95	0	95	
10	Đào Nguyễn Quỳnh Hương	23/09/1995	Bác sĩ Nhãn khoa	khoa Giác mạc	3	94	0	94	



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
11	Ngô Thu Hiền	31/03/1994	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Mắt nhi	3	92,5	0	92,5	
12	Phạm Huy Hoàng	20/06/1987	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	92,5	0	92,5	
13	Nguyễn Quý Hoàng Mai	09/01/1996	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	92,5	0	92,5	
14	Dương Minh Nguyệt	11/10/1993	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Dịch kính võng mạc	3	90	0	90	
15	Đặng Hoàng Long	01/12/1996	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Giác mạc	3	90	0	90	
16	Nguyễn Lê Thanh Thảo	26/12/1993	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Glaucoma	3	90	0	90	
17	Nguyễn Diên Châu My	23/05/1996	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	87,5	0	87,5	
18	Nguyễn Đức Phương Thanh	07/02/1994	Bác sĩ Nhân khoa	phòng Chi đạo tuyển	3	87,5	0	87,5	
19	Nguyễn Minh Quang	19/01/1995	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	85	0	85	
20	Nguyễn Tuấn Vũ	14/09/1994	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	85	0	85	
21	Lê Võ Ngọc Quyên	30/08/1995	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Mắt nhi	3	84	0	84	
22	Nguyễn Trần Thảo Vi	03/07/1995	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Glaucoma	3	83	0	83	
23	Đoàn Sang	18/01/1994	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng Nhãn khoa	3	80	0	80	
24	Lý Ngọc Phương Vy	12/09/1995	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Glaucoma	3	80	0	80	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
25	Đặng Minh Quang	02/04/1996	Bác sĩ Nhân khoa	Phòng Kế hoạch tổng hợp	3	80	0	80	
26	Nguyễn Đức Vinh Quang	13/06/1993	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Glaucoma	3	79	0	79	
27	Phạm Thị Minh Thu	17/09/1995	Bác sĩ Nhân khoa	Phòng Kế hoạch tổng hợp	3	79	0	79	
28	Trần Thị Ngọc Sương	11/11/1994	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	3	56,5	0	56,5	
29	Trương Gia Hân	30/03/1997	Bác sĩ Nội khoa	khoa Cấp cứu	3	98	0	98	
30	Trần Minh Anh	02/11/1996	Bác sĩ Nội khoa	khoa Cấp cứu	3	82,5	0	82,5	
31	Phan Hồng Phúc	03/10/1997	Bác sĩ phụ trách công tác quản lý chất lượng	Phòng Quản lý chất lượng	5	97,5	0	97,5	
32	Phạm Thanh Mai	07/08/1997	Bác sĩ tư vấn dinh dưỡng	khoa Dinh dưỡng	3	85	0	85	
33	Phùng Thùy Linh	05/11/1983	Cán sự hành chính văn phòng	phòng Hành chính quản trị	6	96	0	96	
34	Nguyễn Huỳnh Minh Tâm	13/09/1996	Cán sự hành chính văn phòng	phòng Công tác xã hội	6	92	0	92	
35	Lê Thị Có	20/08/1992	Cán sự hành chính văn phòng	khoa Gây mê hồi sức	6	75	0	75	
36	Trương Đỗ Anh Thư	24/01/1989	Cán sự hành chính văn phòng	phòng Công tác xã hội	6	62	0	62	
37	Nguyễn Ngọc Thúy My	03/07/1993	Cán sự hành chính văn phòng	phòng Công tác xã hội	6		0	0	VẮNG
38	Trần Trung Tuấn	17/10/1985	Chuyên viên quản lý văn thư lưu trữ	phòng Hành chính quản trị	6	47,5	0	47,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
39	Đỗ Thị Bích Ngọc	19/03/1991	Chuyên viên quản lý văn thư lưu trữ	phòng Hành chính quản trị	6		0	0	VẮNG
40	Nguyễn Thanh Sơn	06/10/1992	Chuyên viên quản trị công sở	phòng Hành chính quản trị	6	75,5	0	75,5	
41	Ngô Thị Tú	24/12/2001	Chuyên viên tổng hợp	phòng Hành chính quản trị	6	88,5	0	88,5	
42	Hoàng Nhật Thắng	17/11/1991	Chuyên viên tổng hợp phụ trách công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại Bệnh viện	Phòng Kế hoạch tổng hợp	5	23,5	0	23,5	
43	Phạm Thị Loan	13/09/1981	Chuyên viên tổng hợp quản lý VT, TB, kho thuốc	phòng Vật tư, thiết bị y tế	6	77,5	0	77,5	
44	Nguyễn Thị Hồng	04/09/1983	Chuyên viên tổng hợp quản lý VT, TB, kho thuốc	phòng Vật tư, thiết bị y tế	6	73	0	73	
45	Trịnh Nguyễn Hoàng Lâm	18/07/2001	Chuyên viên về bảo vệ chính trị nội bộ	phòng Tổ chức cán bộ	6	87	0	87	
46	Lâm Mỹ Kiều	11/12/1997	Chuyên viên về hành chính văn phòng	phòng Hành chính quản trị	6	91,75	0	91,75	
47	Trần Võ Hữu Chánh	07/12/1993	Chuyên viên về hành chính văn phòng	phòng Hành chính quản trị	6	31,75	0	31,75	
48	Nguyễn Quế Thi	29/07/2000	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	phòng Tổ chức cán bộ	6	96	0	96	
49	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	25/04/2002	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	phòng Tổ chức cán bộ	6	37	0	37	
50	Lê Mạnh Linh	21/03/1990	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	phòng Tổ chức cán bộ	6	83	0	83	
51	Trần Thị Hà	09/01/1996	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	phòng Tổ chức cán bộ	6	57	0	57	
52	Trần Thị Thanh Tuyền	19/12/1999	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	phòng Tổ chức cán bộ	6	55	0	55	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
53	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/12/1986	Công tác xã hội viên	phòng Công tác xã hội	6	66	0	66	
54	Phạm Thụy Thanh Phương	22/11/1983	Công tác xã hội viên	phòng Công tác xã hội	6	23	0	23	
55	Đỗ Thị Thu Hà	19/01/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	2	100	0	100	
56	Nguyễn Tuấn An	24/12/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	2	95	0	95	
57	Vũ Hồng Hiền Phương	29/08/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	90	0	90	
58	Nguyễn Minh Nhã	05/10/1998	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	2	79,5	0	79,5	
59	Dương Trọng Phúc	03/11/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	76,25	0	76,25	
60	Trương Thị Thanh Tâm	09/12/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	75,5	0	75,5	
61	Trần Thị Phi Yến	12/09/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	73,5	0	73,5	
62	Phạm Thị Sen	10/02/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	73	0	73	
63	Đỗ Thị Thùy Vân	27/02/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	64	0	64	
64	Dương Thị Thùy Tiên	23/09/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	5	52	0	52	
65	Phạm Thị Thanh Xuân	21/08/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	50,5	0	50,5	
66	Lê Thị Sự	03/11/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	39,125	0	39,125	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
67	Vũ Thị Như Quỳnh	01/08/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	32	0	32	
68	Phạm Đàm Hoàng An	26/12/2002	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	2	29,5	0	29,5	
69	Nguyễn Thị Kim Hà	15/08/1989	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng Nhân khoa	2	91	0	91	
70	Nguyễn Tấn Phong	20/04/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng Nhân khoa	7	86,5	0	86,5	
71	Tạ Thị Huệ	20/04/1998	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Dịch kính võng mạc	2	99,25	0	99,25	
72	Nguyễn Lê Thục Anh	17/07/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Dịch kính võng mạc	2	96,25	0	96,25	
73	Nguyễn Thị Hồng Nga	26/04/1998	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Dịch kính võng mạc	2	79,5	0	79,5	
74	Đặng Thị Phương Thảo	08/03/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Dịch kính võng mạc	5	37	0	37	
75	Trương Việt Linh	02/03/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	99	0	99	
76	Phạm Thị Nhật Hà	09/09/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	94	0	94	
77	Vô Hồng Nhi	21/09/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	92,5	0	92,5	
78	Nguyễn Thị Hoài Thu	19/09/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	72,5	0	72,5	
79	Trần Thị Kim Thoa	29/08/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	71,5	0	71,5	
80	Trần Cẩm Vinh	16/08/1999	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	71,5	0	71,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
81	Lê Thị Hồng Thắm	19/11/1985	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	69,75	0	69,75	
82	Trương Thị Hiền	18/07/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	65,5	0	65,5	
83	Nguyễn Thị Thu Thủy	26/10/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	65	0	65	
84	Nguyễn Vương Bích Trâm	19/10/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	61,5	0	61,5	
85	Trần Thụy Hồng Anh	07/11/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	50,5	0	50,5	
86	Trần Lê Y Ngọc	25/10/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	45	0	45	
87	Trần Thị Thu Vân	22/01/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	45	0	45	
88	Nguyễn Thị Lệ Thanh	28/05/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	44	0	44	
89	Trần Lê Hoài Thương	14/05/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	36	0	36	
90	Nguyễn Thị Thùy Sa	03/03/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	33	0	33	
91	Lê Thị Cẩm Tú	23/06/1999	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	7	20	0	20	
92	Trần Tú Phân	02/02/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức			0	0	VẮNG
93	Dương Thanh Phúc	25/07/1981	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	1	100	0	100	
94	Bùi Thị Trúc Huyền	19/11/1986	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	2	92	0	92	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
95	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	17/07/1985	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	2	51	0	51	
96	Trần Ngọc Trúc Như	24/06/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	2	47	0	47	
97	Trần Thị Thu Thủy	26/09/1982	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	5	42,5	0	42,5	
98	Phạm Hoài Minh	22/02/1998	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Glaucoma	2	93	0	93	
99	Phan Tấn Duy	10/03/1999	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Glaucoma	2	77,5	0	77,5	
100	Cao Thị Ngọc Thanh	24/02/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Glaucoma	1	70	0	70	
101	Nguyễn Lưu Hoàng	14/06/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	95	0	95	
102	Nguyễn Phú Ngọc Hân	19/12/1985	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	93	0	93	
103	Tô Thị Học	14/11/1989	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	90	0	90	
104	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	31/08/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	80	0	80	
105	Lê Xuân Phong	21/07/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	7	76,5	0	76,5	
106	Ngô Trần Quỳnh Như	29/09/1997	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	70	0	70	
107	Nguyễn Thị Thục Trinh	27/07/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	5	70	0	70	
108	Phan Hoàng Bích Thúy	24/05/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	5	68	0	68	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
109	Huỳnh Văn Phi	05/10/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	7	61,75	2,5	64,25	
110	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/10/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	55	0	55	
111	Phạm Công Hào Quang	18/11/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	54	0	54	
112	Nguyễn Thị Tố Uyên	10/06/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	51,25	0	51,25	
113	Nguyễn Lê Phương Trúc	15/06/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	7	46,25	0	46,25	
114	Đoàn Thị Thanh Thảo	02/01/1988	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	5	46	0	46	
115	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	40,5	0	40,5	
116	Nguyễn Thị Hồng Nga	07/08/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	40	0	40	
117	Nguyễn Đào Tường Vy	29/12/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	35	0	35	
118	Bùi Mộng Thùy Tiên	20/02/1989	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	5	34,5	0	34,5	
119	Nguyễn Thị Phụng Thắm	07/11/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt			0	0	VẮNG
120	Nguyễn Kim Trúc	01/05/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khúc xạ	7	20,5	0	20,5	
121	Đặng Thị Nguyệt	22/02/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Mắt nhi	2	99	0	99	
122	Nguyễn Thị Thẽ	01/01/1985	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Mắt nhi	5	84,5	0	84,5	

HỒ CHÍ MINH

THÀNH BÊN M

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
123	Tô Thị Kim Thoa	27/12/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Mắt nhi	5	52,5	0	52,5	
124	Hoàng Thị Thu Hà	15/04/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	2	90	0	90	
125	Đàm Thị Thu Hồng	26/03/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	100	0	100	
126	Hà Kiều Oanh	14/02/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	100	0	100	
127	Nguyễn Lê Như Mỹ	10/08/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	95	0	95	
128	Trần Thị Kim Liên	10/03/1997	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	92,5	0	92,5	
129	Ngô Thị Ngọc Thanh	29/11/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	1	77,5	0	77,5	
130	Vưu Văn Lợi	01/03/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	60,5	0	60,5	
131	Quách Thanh Duy	10/03/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	53,375	0	53,375	
132	Phạm Tạ Lan Anh	06/11/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Chỉ đạo tuyến	2	88	0	88	
133	Nguyễn Thị Lĩnh	01/03/1986	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	2	97,5	0	97,5	
134	Trương Mỹ Chi	16/7/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	2	96	0	96	
135	Nguyễn Vũ Nhật Quỳnh	02/07/2000	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	1	90	0	90	
136	Tạ Minh Thảo	31/08/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	5	86,5	0	86,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
137	Đặng Thị Cẩm Lệ	25/03/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	2	85	0	85	
138	Nguyễn Trần Yến Quyên	08/08/1978	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	1	80	0	80	
139	Nguyễn Trường Thịnh	12/04/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	5	79,5	0	79,5	
140	Lê Thị Thùy Trang	14/10/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	5	70	0	70	
141	Nguyễn Ngọc Thúy Duyên	22/10/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	2	59,875	0	59,875	
142	Nguyễn Thị Thanh Loan	08/09/1988	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	2	53	0	53	
143	Phạm Thị Hồng Lương	17/04/1997	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc	1	85	0	85	
144	Lưu Bội Linh	12/06/1997	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc	1	77	0	77	
145	Vũ Văn Hiến	23/03/1985	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc	1	0	0	0	
146	Huỳnh Thị Sang	09/10/1989	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc			0	0	VẮNG
147	Lê Thị Ái Tú	13/02/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	7	98	0	98	
148	Lưu Thị Minh Trinh	19/03/1982	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	7	95,5	0	95,5	
149	Nguyễn Thị Hồng Duyên	09/05/2003	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	1	55,75	0	55,75	
150	Lâm Bội Châu	05/08/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	5	52,5	0	52,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
151	Nguyễn Thị Cẩm Thu	22/05/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	7	37	0	37	
152	Trần Ngọc Thảo Lam	21/11/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	1	30	0	30	
153	Lại Văn Phụng	09/06/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	7	0	0	0	
154	Nguyễn Thị Kim San	16/10/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc			0	0	VẮNG
155	Nguyễn Thị Hằng	08/03/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	1	92,5	0	92,5	
156	Kiều Công Phát	09/06/2002	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	1	92	0	92	
157	Huỳnh Thị Diễm Ni	11/05/2003	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	1	67	0	67	
158	Trần Đỗ Phương Uyên	17/04/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	7	26,75	0	26,75	
159	Đinh Võ Phương Chi	25/02/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	5	22,75	0	22,75	
160	Trần Thị Anh	27/11/1983	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ			0	0	VẮNG
161	Nguyễn Minh Nhựt	15/11/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	1	87,5	0	87,5	
162	Nguyễn Minh Luân	20/06/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	1	86,5	0	86,5	
163	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	17/02/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	7	85	0	85	
164	Vũ Thị Thái Uyên	08/07/1998	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	7	15,875	0	15,875	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
165	Phan Thị Hồng Ngọc	05/04/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp			0	0	VẮNG
166	Trần Lan Vy	02/10/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	phòng Chỉ đạo tuyến	7	96,5	0	96,5	
167	Phạm Tiến Lộc	02/10/2001	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	92,5	0	92,5	
168	Tô Thu Nguyệt	25/08/1986	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
169	Trương Thị Khả Nhi	12/12/2001	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
170	Trần Thị Tâm	10/01/1992	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
171	Nguyễn Đoàn Khánh Thủy	13/12/1989	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	90	0	90	
172	Mai Quỳnh Nga	10/07/2002	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	75	0	75	
173	Nguyễn Thị Thủy Tiên	07/11/1988	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	70	0	70	
174	Tiên Hồng Ngọc	19/08/1995	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	65	0	65	
175	Nguyễn Ngọc Hải	29/3/1988	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	62,5	0	62,5	
176	Tô Nguyễn Văn Nhi	07/6/1990	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	60	0	60	
177	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/01/2000	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	50	0	50	
178	Nguyễn Lưu Như Phượng	24/02/2000	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	25	0	25	
179	Trịnh Thu Thủy	20/08/1996	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	25	0	25	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
180	Nguyễn Thị Kiều Phương	17/09/2002	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	15	0	15	
181	Trần Thị Ngọc Huyền	17/07/1991	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	75	0	75	
182	Lê Thị Luyến	19/11/1992	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	70	0	70	
183	Huỳnh Văn Hiếu	09/06/1979	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	70	0	70	
184	Dương Văn Quốc	08/04/1992	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	65	0	65	
185	Nguyễn Thị Kim Phương	02/12/1981	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	60	0	60	
186	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	22/10/1991	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	57,5	0	57,5	
187	Trần Thị Ngọc Nhung	26/11/4637	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	55	0	55	
188	Hồ Bá Ngọc	06/02/1988	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	54	0	54	
189	Nguyễn Đức Ba	15/08/1983	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	52,5	0	52,5	
190	Nguyễn Chí Hào	19/07/1993	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	50	0	50	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
191	Mai Thị Thảo My	20/08/1992	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	50	0	50	
192	Mai Lê Trúc Anh	16/10/2000	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	32,5	0	32,5	
193	Lê Quốc Trí	13/09/1993	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	30	0	30	
194	Võ Ái Lê	13/11/1991	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	21	0	21	
195	Phan Tuyết Phương	06/06/1989	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	0	0	0	
196	Mai Thị Loan	14/02/1993	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính			0	0	VẮNG
197	Nguyễn Quốc Thanh	09/01/1991	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính			0	0	VẮNG
198	Nguyễn Minh Phương Thảo	24/11/1994	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	66,5	0	66,5	
199	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/02/1999	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	50	0	50	
200	Nguyễn Thảo Nguyên	07/02/1990	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	45	0	45	
201	Cao Tạ Minh Toàn	30/12/1999	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	43,5	0	43,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
202	Lương Thị Hà Nhi	22/01/1996	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	30,5	0	30,5	
203	Nguyễn Thanh Thy	12/01/2000	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	28	0	28	
204	Nguyễn Thị Thúy Vy	07/11/1997	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	Khoa Dược	5	16	0	16	
205	Mai Hà Thanh	19/10/1997	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	12,25	0	12,25	
206	Trần Thị Vượng	05/07/1990	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	88	0	88	
207	Nguyễn Hoàng Hương	12/07/1991	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	80	0	80	
208	Võ Thành Long	18/11/2003	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	69	0	69	
209	Phùng Kim Ngọc Vân	02/07/1990	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	43	0	43	
210	Nguyễn Phương Hồng Thủy	27/09/1994	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	37	0	37	
211	Lê Thảo Trinh	07/02/1999	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	2	0	2	
212	Lê Ngọc Phương Quỳnh	01/07/2001	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán			0	0	VẮNG
213	Ngô Thanh Phương	11/11/2002	Khúc xạ nhãn khoa	khoa Mắt nhi	4	80	0	80	
214	Hồ Lê Nhật Hằng	01/08/2001	Khúc xạ nhãn khoa	khoa Mắt nhi	4	55	0	55	
215	Lại Thị Quỳnh Vy	06/11/2001	Khúc xạ nhãn khoa	khoa Mắt nhi	4	46	0	46	
216	Hoàng Đình Thúc	22/06/2001	Kỹ sư phụ trách sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, lưu trữ hồ sơ mua sắm VT, TBYYT, kiểm nghiệm, viện trợ	phòng Vật tư, thiết bị y tế	6	85	0	85	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
217	Nguyễn Thị Thùy Dung	19/12/1995	Kỹ thuật Y chẩn đoán hình ảnh	khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng Nhân khoa	5	90	0	90	
218	Trần Thị Thúy An	10/06/1999	Kỹ thuật Y chẩn đoán hình ảnh	khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng Nhân khoa	5	85	0	85	
219	Vương Thị Thiên Phước	12/10/1982	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	95	0	95	
220	Võ Thị Thùy Tiên	28/01/1994	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	90	0	90	
221	Trần Quốc Việt	12/5/2001	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	80	0	80	
222	Lê Huy Mân	01/09/2001	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	75	0	75	
223	Trương Thị Thu Hà	25/11/1997	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	74	0	74	
224	Trương Quỳnh Như	20/07/2002	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	60	0	60	
225	Phạm Thị Vân Khanh	06/02/2000	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	55	0	55	
226	Trương Chấn Kha	12/07/1993	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	52	0	52	
227	Lê Ngọc Nữ	10/12/1989	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	50	0	50	
228	Nguyễn Ngọc Hạnh Thảo	23/12/1988	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	45	0	45	
229	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	19/06/1994	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	40	0	40	
230	Dương Thị Trúc Nguyên	15/06/1999	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	35	0	35	
231	Phạm Thụy Quỳnh Như	13/07/1999	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	33,5	0	33,5	
232	Mai Nguyễn Thảo Uyên	06/02/1999	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	25	0	25	
233	Huỳnh Trọng Tân	13/11/1995	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	22	0	22	
234	Đỗ Kim Hằng	08/05/2000	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	7	0	7	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	GHI CHÚ
235	Huỳnh Thị Ngọc Đào	08/12/2002	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm			0	0	VẮNG
236	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	30/11/1987	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm			0	0	VẮNG
237	Lương Minh Toàn	20/04/2000	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm			0	0	VẮNG
238	Ngô Thị Bình	23/05/1983	Nhân viên Công tác xã hội	phòng Công tác xã hội	6	75,5	0	75,5	
239	Phan Lê Như Quỳnh	20/11/2003	Nhân viên Công tác xã hội	phòng Công tác xã hội			0	0	VẮNG
240	Phạm Thị Thu Lan	10/02/1981	Nhân viên quản trị công sở	phòng Vật tư, thiết bị y tế	6	75	5	80	
241	Trần Thị Luynh Lan	14/12/1983	Nhân viên quản trị công sở	phòng Vật tư, thiết bị y tế	6	63	0	63	
242	Trương Phước Hữu	04/04/1982	Nhân viên quản trị công sở - Tổ Điện	phòng Hành chính quản trị	6	76	0	76	
243	Nguyễn Vũ Tân	10/5/1993	Nhân viên quản trị công sở - Tổ Điện	phòng Hành chính quản trị	6	13,5	0	13,5	
244	Lê Dũng Trung Quân	12/03/1985	Nhân viên quản trị công sở - Tổ Điện	phòng Hành chính quản trị			0	0	VẮNG
245	Lê Thành Lộc	26/10/1976	Nhân viên quản trị công sở - Tổ XDCB	phòng Hành chính quản trị	6	62	0	62	
246	Bùi Thị Mỹ Dung	24/12/1978	Nhân viên về hành chính văn phòng	khoa Giác mạc	6	74	0	74	
247	Phạm Mai Lan	03/01/1990	Nhân viên về hành chính văn phòng	khoa Khúc xạ	6	73	0	73	
248	Lê Ngọc Thảo Vy	07/10/2001	Tư vấn dinh dưỡng, giám sát đánh giá dinh dưỡng	khoa Dinh dưỡng	5	79	0	79	
249	Tăng Kim Duyên	10/11/2001	Tư vấn dinh dưỡng, giám sát đánh giá dinh dưỡng	khoa Dinh dưỡng	5	65,75	5	70,75	
250	Đào Vân Anh	15/10/2001	Tư vấn dinh dưỡng, giám sát đánh giá dinh dưỡng	khoa Dinh dưỡng	5	65	0	65	
251	Lê Ngọc Thùy Dung	11/08/1984	Y tế cơ quan	phòng Hành chính quản trị	6	77,5	0	77,5	

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC